Ký bởi: TRUNG TÂM CẤP CỨU 115
Email: cc115.syt@tphcm.gov.vn
Cơ quan: SỞ Y TẾ, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ngày ký: 15-04-2026 16:04:38 +07:00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM CẤP CỨU 115

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 480 /TTCC115

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2026

BẢN TIN 115
Hoạt động mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện tháng 02 năm 2026

1. Thông tin chung

- Tính đến ngày 28/02/2026, Mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện bao gồm Trung tâm Cấp cứu 115 và 64 trạm cấp cứu vệ tinh 115 (TVT), trong đó khu vực 1: 44 TVT, khu vực 2: 14 TVT, khu vực 3: 06 TVT.

- Trung tâm Cấp cứu 115 triển khai, đảm bảo hoạt động chuyên môn (nhân lực, phương tiện vận chuyển) tại các trạm: TVT 115 đường thuỷ tại BV Từ Dũ CS2, TVT 115 Bệnh viện Ung Bướu cơ sở 2, TVT 115 Trạm Y tế phường Bình Đông và TVT 115 Bệnh viện Đa khoa khu vực Thủ Đức.

- Trung tâm Cấp cứu 115 tiếp tục điều phối cấp cứu ngoài bệnh viện cho TTYT Quân Dân y Đặc khu Côn Đảo trong việc cấp cứu người bệnh và đảm bảo công tác y tế cho các sự kiện trên địa bàn đặc khu Côn Đảo.

2. Công tác chuyên môn

2.1. Tổng đài 115 (tiếp nhận, sàng lọc, tư vấn và điều phối)

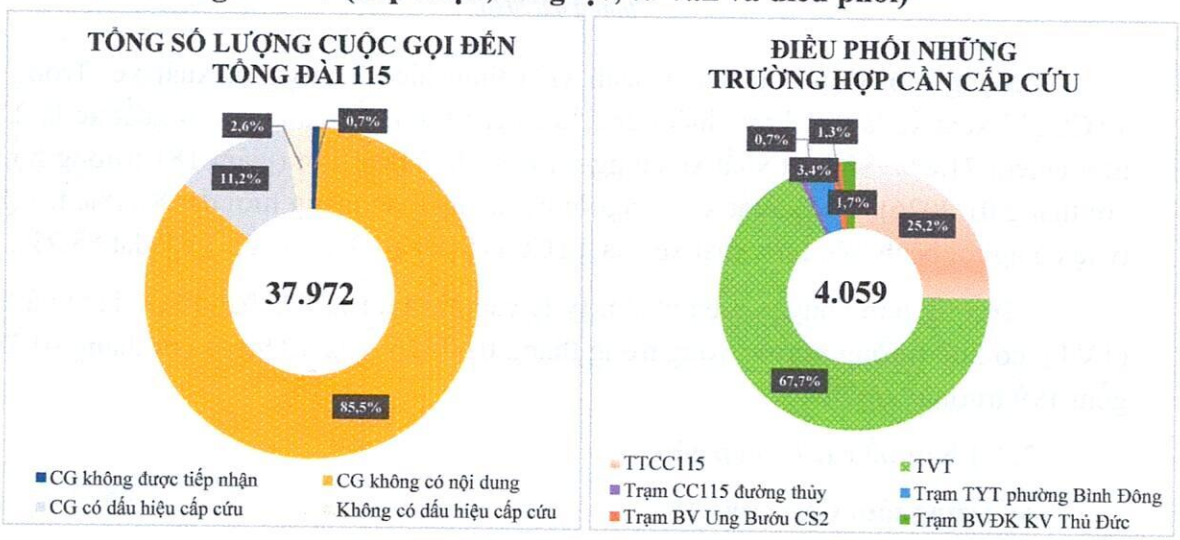

Biểu đồ 1. Thống kê công tác chuyên môn của Tổng đài 115 tháng 02/2026

- Tiếp nhận: trong tháng 02/2026, Tổng đài 115 ghi nhận 37.972 cuộc gọi, giảm 5.859 cuộc gọi (tương ứng 13,4%) so với tháng 01/2026. Trong đó, số cuộc gọi có dấu hiệu cấp cứu là 4.262 cuộc gọi chiếm 11,2% tổng cuộc gọi vào đầu số 115, so với tháng 01/2026 số cuộc có dấu hiệu cấp cứu giảm 416 cuộc gọi (tương ứng 8,9%).

- Sàng lọc, tư vấn, không còn nhu cầu cấp cứu, khác: 203 trường hợp.

- Điều phối: Tổng đài 115 thực hiện điều phối 4.059 trường hợp cần cấp cứu, trong đó điều phối TTCC115 là 1.021 lượt (25,2%) và đến các Trạm vệ tinh là 3.038 lượt (74,8%).

2.2. Lực lượng cấp cứu ngoài bệnh viện (tổ chức triển khai cấp cứu người bệnh tại cộng đồng)

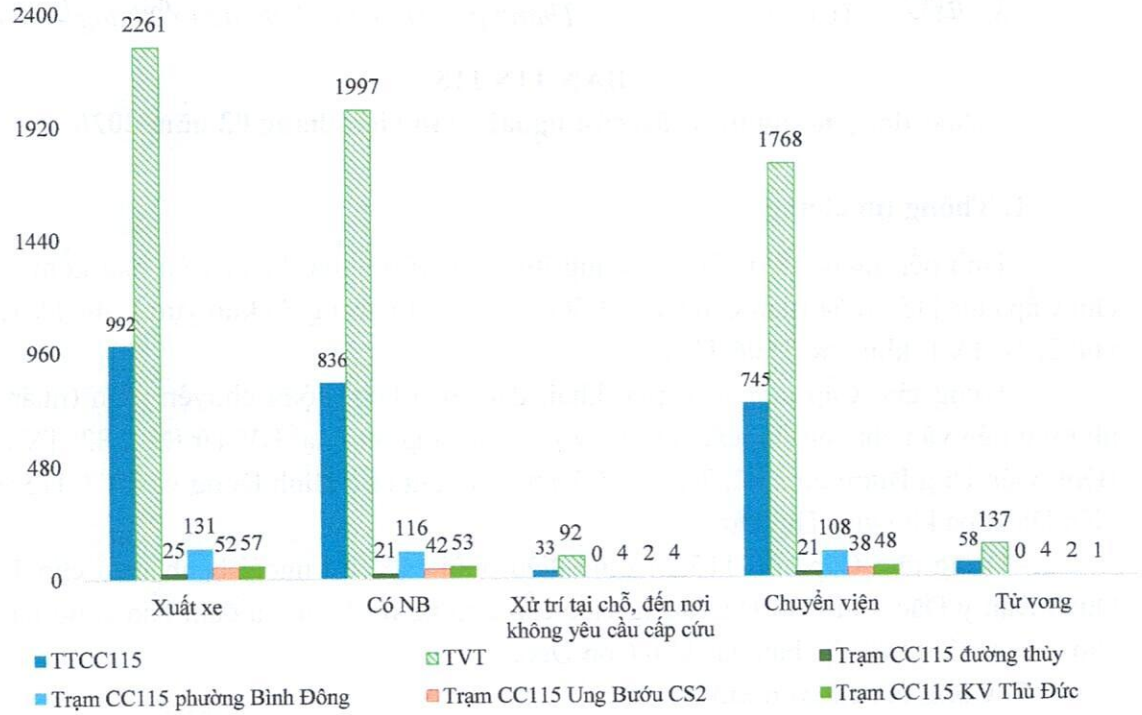

Biểu đồ 2. Thống kê các trường hợp triển khai cấp cứu ngoài bệnh viện tháng 02/2026

- Mạng lưới Cấp cứu ngoài bệnh viện thực hiện 3.518 lượt xuất xe. Trong đó, TTCC115 xuất xe là 992 lượt chiếm 28,2% và các trạm cấp cứu vệ tinh xuất xe là 2.526 lượt chiếm 71,8%. Số lượt xuất xe có người bệnh là 3.065 lượt (giảm 181 trường hợp so với tháng 01/2026). Tỷ lệ xuất xe có người bệnh của toàn mạng lưới đạt 87,1%, trong đó tỷ lệ có người bệnh trên lượt xuất xe của TTCC115 đạt 84,3% và của TVT đạt 88,2%.

- Trường hợp chuyển viện chiếm tỷ lệ cao lần lượt là 89,1% (TTCC115) và 89% (TVT), có 202 trường hợp tử vong trong tháng 02/2026 tăng 1,5% so với tháng 01/2026 gồm 199 trường hợp.

2.3. Phân bố các ca cấp cứu

❖ **Trung tâm Cấp cứu 115**

- Trong tháng 02/2026, 05 phường/xã tại khu vực 1 có số trường hợp cấp cứu cao nhất được TTCC115 đáp ứng là phường Hoà Hưng (54 trường hợp), phường Bình Đông (51 trường hợp), phường Minh Phụng (45 trường hợp), phường Vườn Lài (43 trường hợp) và phường Chợ Lớn (42 trường hợp).

- Ngoài ra, Trung tâm có đáp ứng cấp cứu cho phường Đông Hoà (5 trường hợp) tại khu vực 2.

(đính kèm phụ lục 3)

❖ **Trạm cấp cứu vệ tinh 115**

- Trong tháng 02/2026, có 05 phường/xã có số trường hợp cấp cứu cao được các TVT đáp ứng bao gồm: phường Sài Gòn (90 trường hợp), phường An Lạc (63 trường hợp), phường Chánh Hưng (58 trường hợp), phường Bình Hưng Hoà (52 trường hợp) và phường Hiệp Bình (52 trường hợp).

- Tại khu vực 2, các phường/xã có số lượng cấp cứu cao nhất được TVT đáp ứng bao gồm: phường Dĩ An (38 trường hợp), phường Bến Cát (30 trường hợp), phường Thủ Dầu Một (29 trường hợp), phường Phú Lợi (28 trường hợp) và phường Bình Dương (27 trường hợp).

- Tại khu vực 3, các phường/xã có trường hợp cấp cứu cao nhất được các TVT đáp ứng cấp cứu bao gồm: phường Vũng Tàu (55 trường hợp), phường Tam Thắng (37 trường hợp), phường Rạch Dừa (33 trường hợp) và phường Bà Rịa (22 trường hợp).

(đính kèm phụ lục 3)

2.4. Số trường hợp cấp cứu ngoài bệnh viện của các trạm cấp cứu vệ tinh 115

❖ Số lượt xuất xe

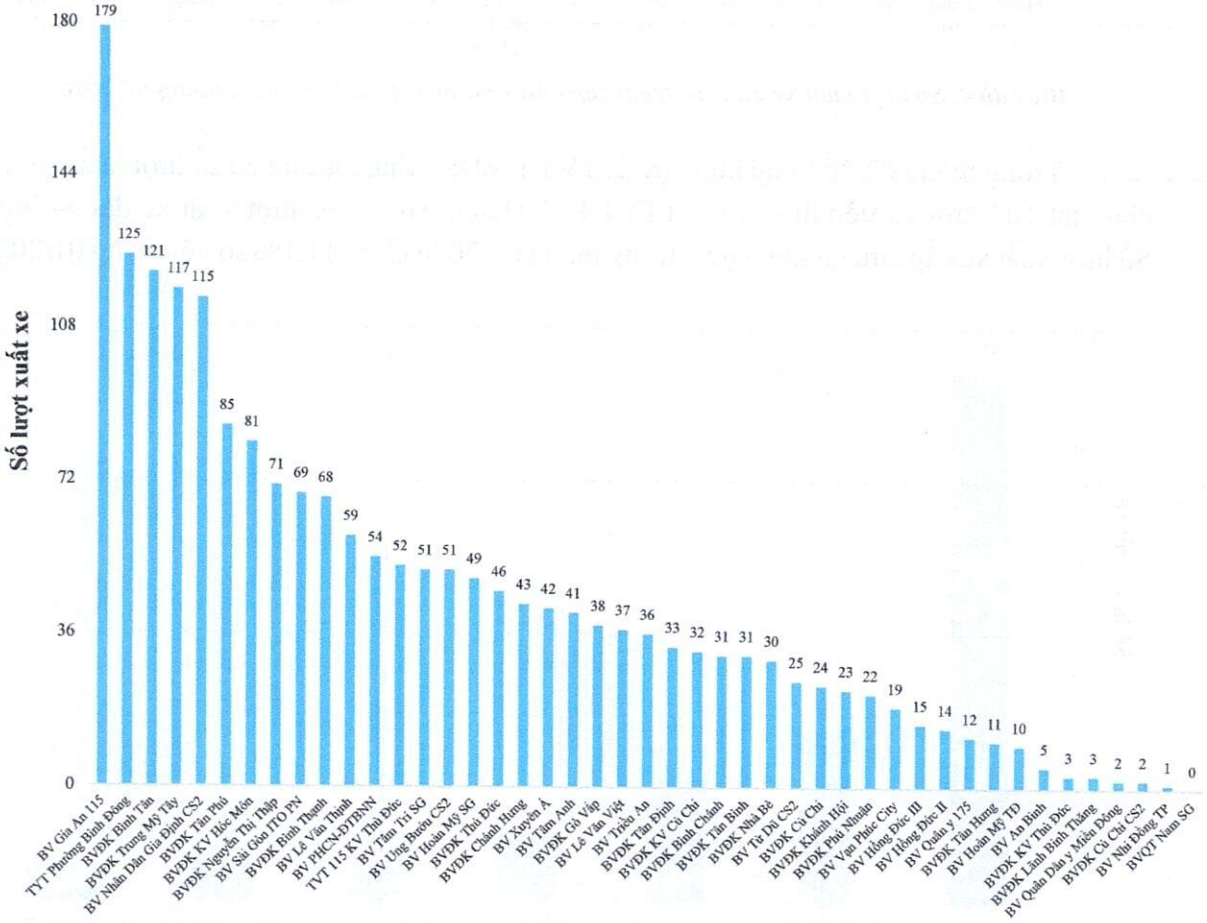

Biểu đồ 3. Số lượt xuất xe của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 1 tháng 02/2026

Tại khu vực 1, TVT BV Gia An 115 là Trạm vệ tinh có số lượng xuất xe cao nhất trong tháng 02 đạt 179 lượt xuất xe, kế tiếp thuộc về TVT115 TYT phường Bình Đông với 125 lượt và TVT BVĐK Bình Tân với 121 lượt.

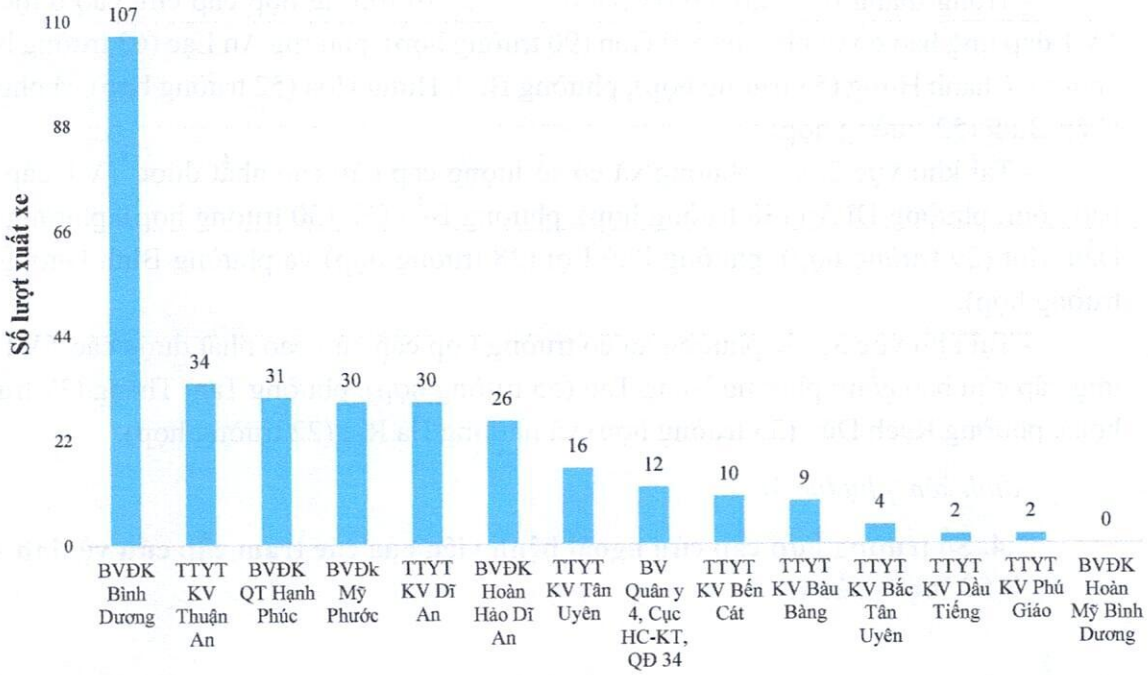

Biểu đồ 4. Số lượt xuất xe của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 2 tháng 02/2026

Trong tháng 02/2026 tại khu vực 2, TVT BVĐK Bình Dương có số lượt xuất xe cao nhất đạt 107 lượt và tiếp theo TVT TTYT KV Thuận An với số lượt xuất xe đạt 34 lượt. Số lượt xuất xe cấp cứu tại khu vực 2 trong tháng 02/2026 giảm 11,1% so với tháng 01/2026.

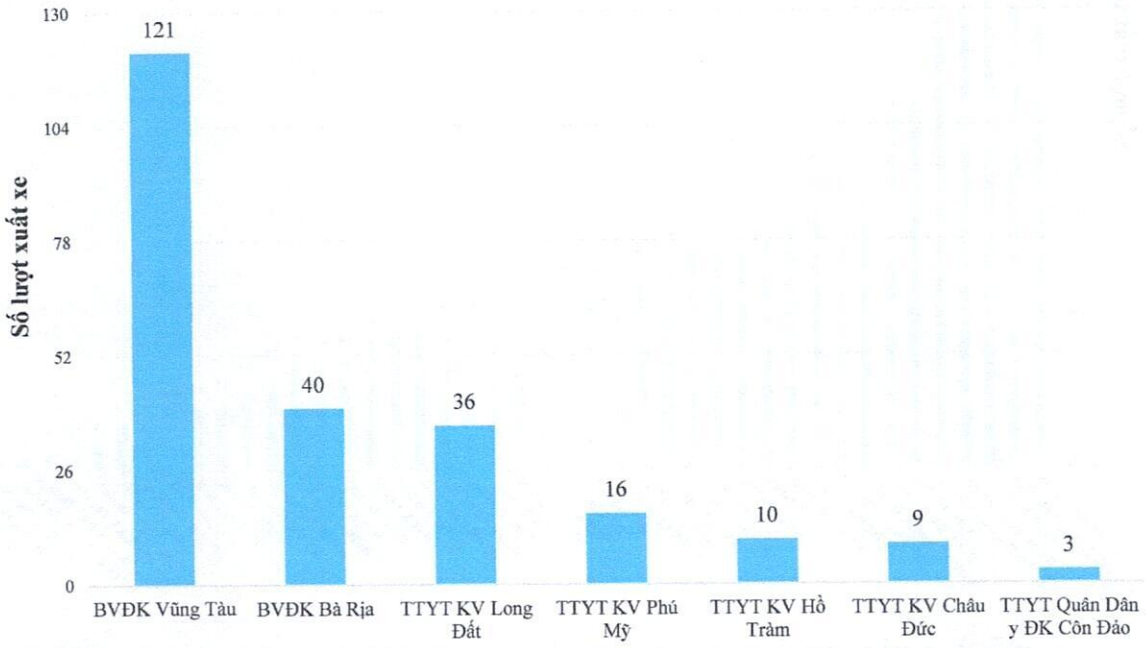

Biểu đồ 5. Số lượt xuất xe của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 3 tháng 02/2026

Tại khu vực 3, TVT BVĐK Vũng Tàu có số lượt xuất xe cao nhất đạt 121 lượt và TVT BVĐK Bà Rịa đứng thứ 2 đạt 40 lượt. Trong tháng 02/2026, số lượt xuất xe giảm 11,3% so với tháng 01/2026.

❖ **Tỷ lệ xuất xe/số cuộc gọi điều phối**

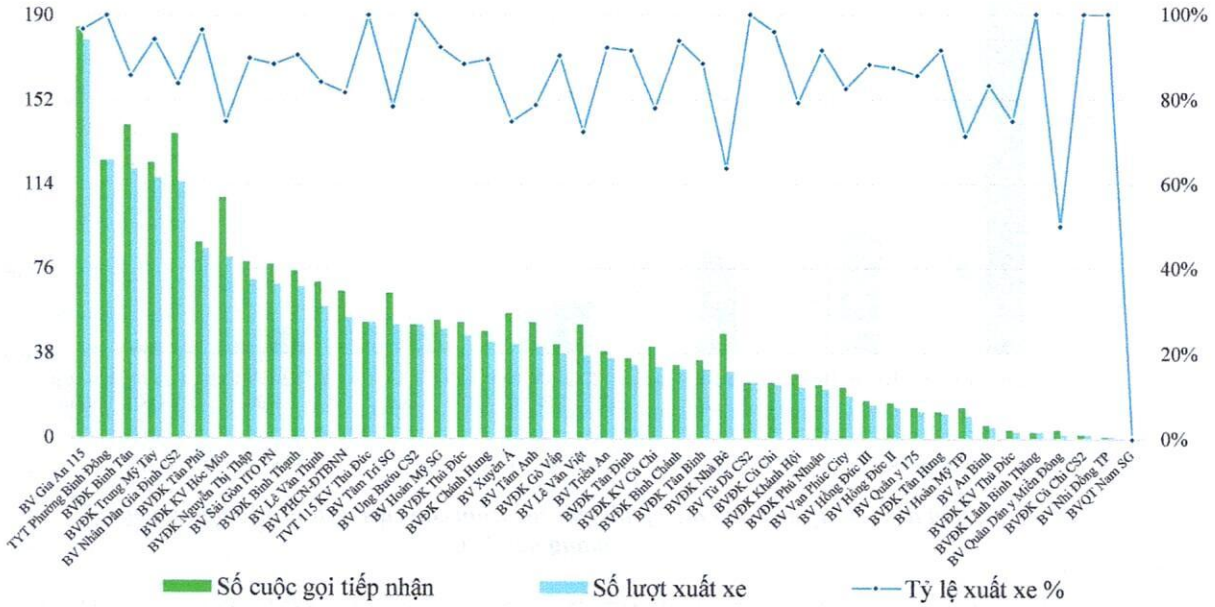

Biểu đồ 6. Tỷ lệ đáp ứng điều phối của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 1 tháng 02/2026

Tại khu vực 1, trong nhóm 10 TVT có số lượt xuất xe cao hàng đầu, các TVT có tỷ lệ xuất xe trên tổng số điều phối cao là TVT 115 TYT phường Bình Đông đạt 100%, BV Gia An 115 và BVĐK Tân Phú đều đạt 97%, kế tiếp là TVT BVĐK Trung Mỹ Tây đạt 94%.

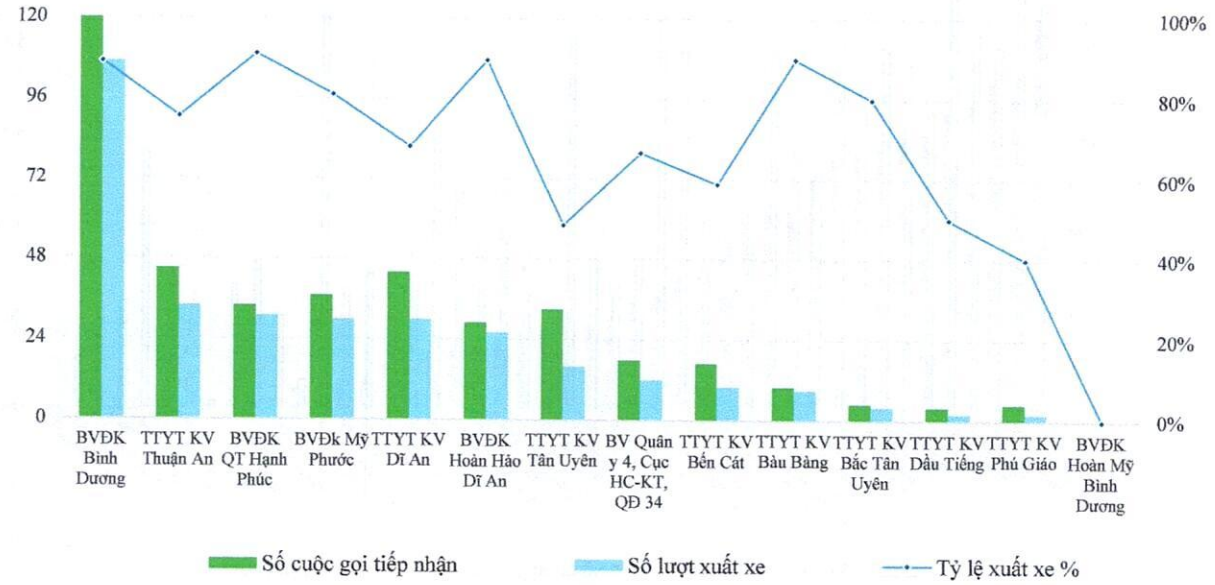

Biểu đồ 7. Tỷ lệ đáp ứng điều phối của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 2 tháng 02/2026

Tại khu vực 2, trong 06 TVT có số lượt xuất xe cao, những TVT có tỷ lệ xuất xe trên tổng số điều phối cao là TVT BVĐK Quốc tế Hạnh Phúc (91%), TVT BVĐK Hoàn Hảo Dĩ An (90%) và TVT BVĐK Bình Dương (89%).

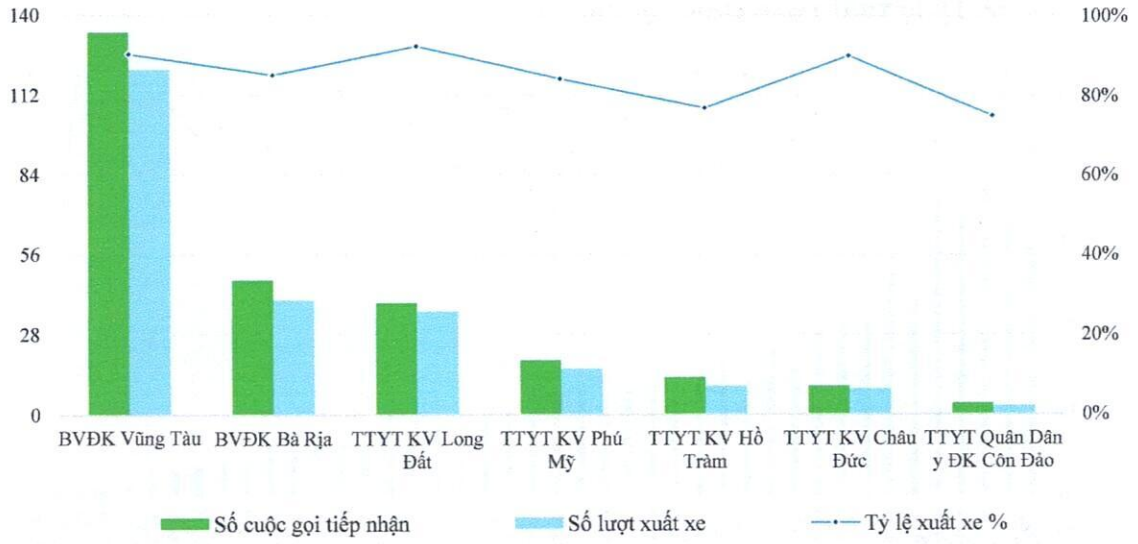

Biểu đồ 8. Tỷ lệ đáp ứng điều phối của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 3 tháng 02/2026

Tại khu vực 3, các TVT và TTYT Quân Dân y Đặc khu Côn Đảo có tỷ lệ đáp ứng xuất xe tương đối cao. Trong đó, TVT TTYT KV Long Đất đạt 92%, TVT BVĐK Vũng tàu và TVT TTYT KV Châu Đức đều đạt 90%.

(đính kèm phụ lục 2)

2.5. Tỷ lệ từ chối xuất xe của các Trạm cấp cứu vệ tinh 115

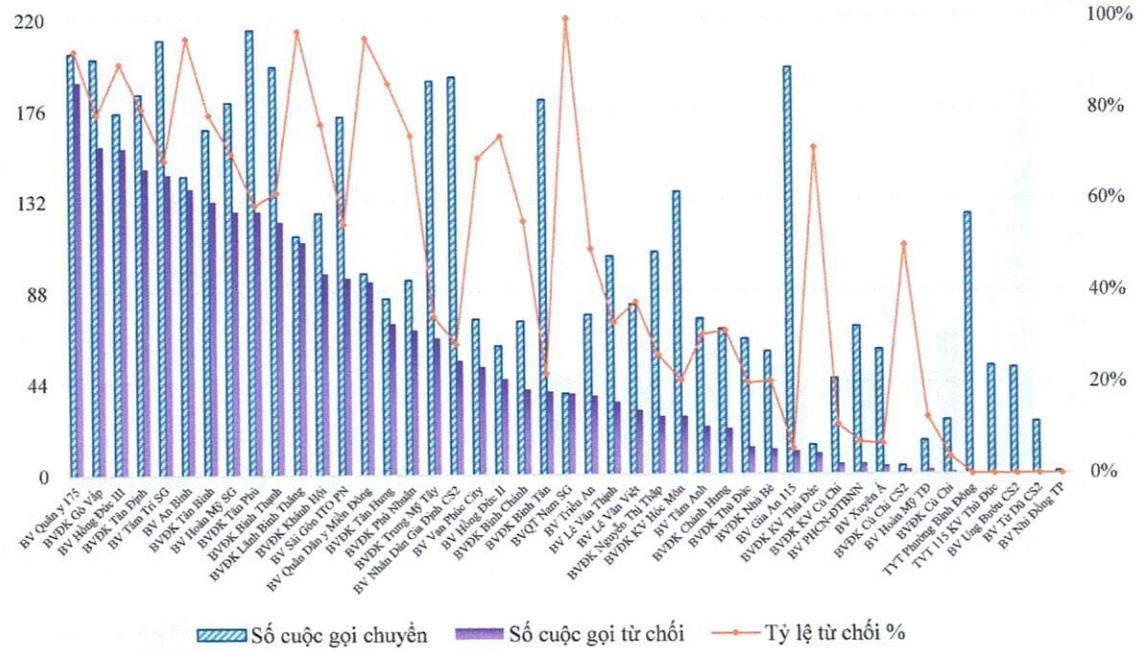

Biểu đồ 9. Tỷ lệ từ chối điều phối của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 1 tháng 02/2026

Các Trạm vệ tinh có tỷ lệ từ chối xuất xe cao nhất tại khu vực 1 là TVT BVĐK An Bình (96%), TVT BV Quân y 175 (93%), TVT BV Hồng Đức III (90%), TVT BVĐK Tân Định (80%).

Các Trạm vệ tinh có tỷ lệ từ chối trên 60% cuộc gọi chuyển đến chiếm 18/44 TVT tại khu vực 1 hiện đang hoạt động.

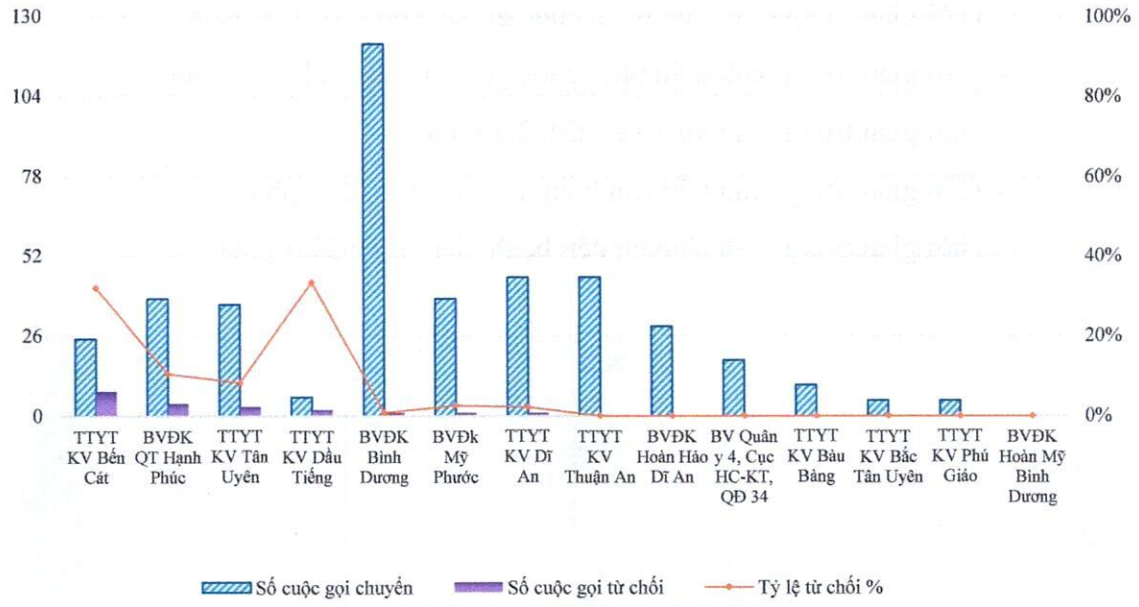

Biểu đồ 10. Tỷ lệ từ chối điều phối của trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 2 tháng 02/2026

Tỷ lệ từ chối điều phối tại khu vực 2 không cao ghi nhận 03 TVT có tỷ lệ từ chối cao nhất trong tháng là TTYT KV Bến Cát (32%), TTYT KV Dầu Tiếng (33%) và BVĐK QT Hạnh Phúc (11%).

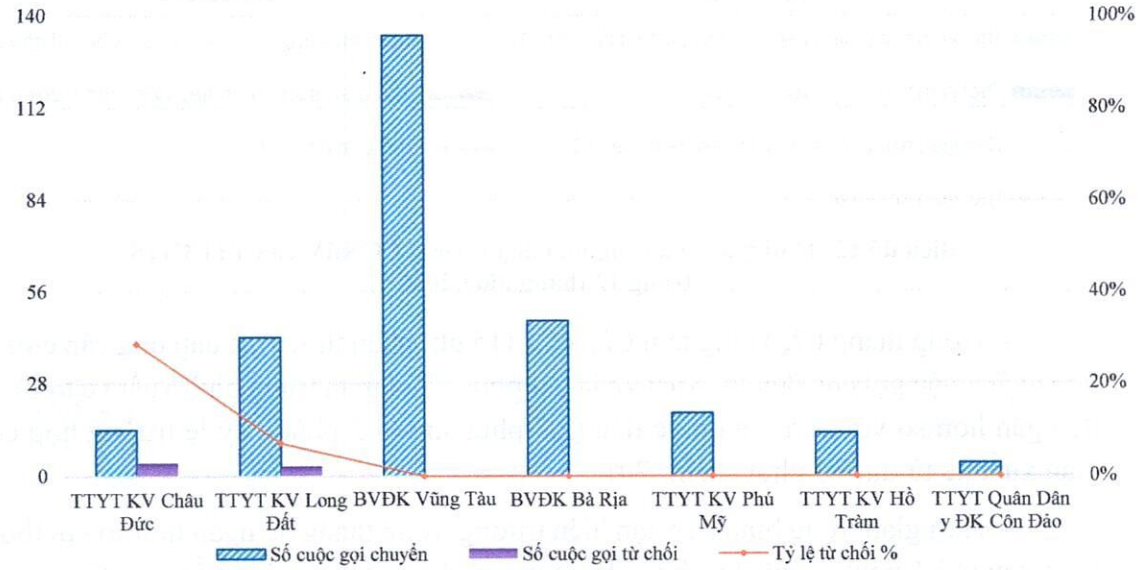

Biểu đồ 11. Tỷ lệ từ chối điều phối của các trạm cấp cứu vệ tinh 115 tại khu vực 3 tháng 02/2026

Tại khu vực 3, rất ít trường hợp từ chối điều phối, chỉ ghi nhận 02 Trạm vệ tinh: TTYT KV Châu Đức (29%), TTYT KV Long Đất 7%).

(đính kèm phụ lục 2)

2.6. Một số chỉ số chất lượng liên quan đến cấp cứu ngoài bệnh viện

❖ Trung tâm Cấp cứu 115

- Thời gian trung bình tiếp nhận cuộc gọi cấp cứu[1] (t1): 2 phút.
- Thời gian trung bình điều phối cuộc gọi cấp cứu[2] (t2): 2.1 phút.
- Thời gian trung bình xuất xe[3] (t3): 2,3 phút.
- Thời gian trung bình tiếp cận hiện trường[4] (t4): 12,1 phút.
- Thời gian trung bình chuyển đến bệnh viện[5] (t5): 32,4 phút.

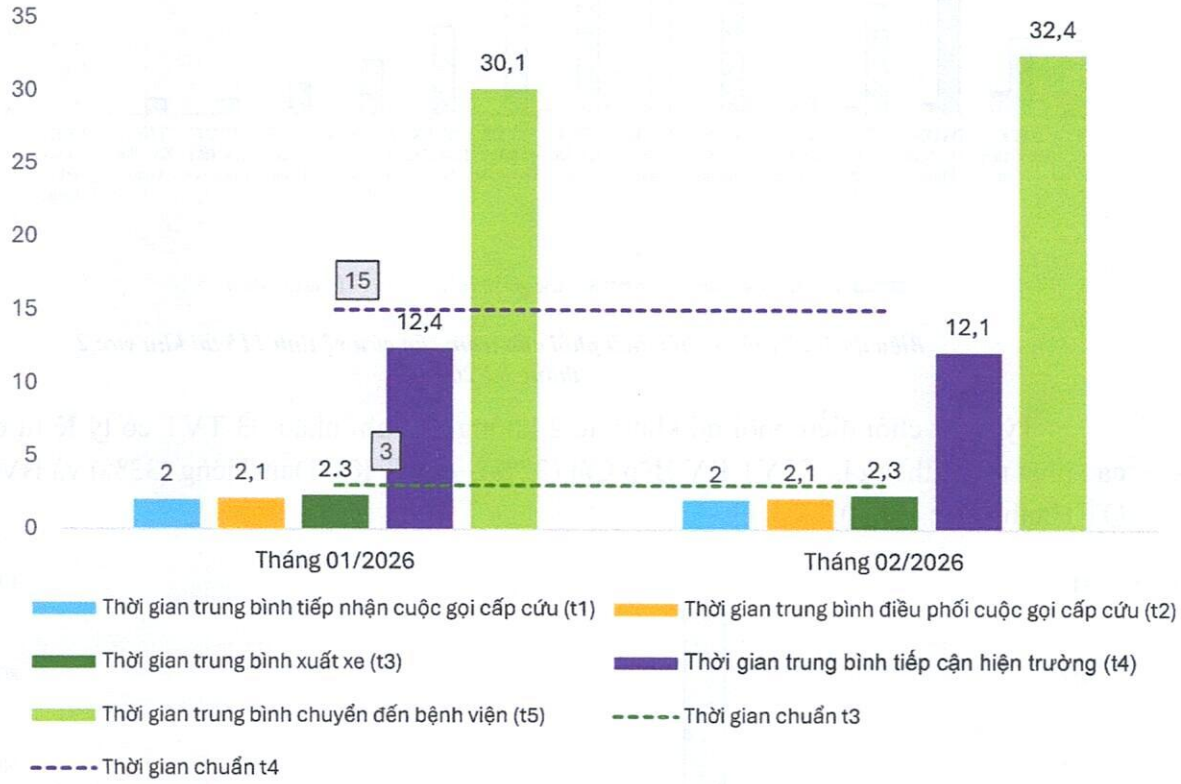

Biểu đồ 12. Thời gian của từng giai đoạn trong CCNBV của TTCC115 trong 12 tháng năm 2026

- Trong tháng 02, Trung tâm Cấp cứu 115 ghi nhận thời gian đáp ứng cấp cứu từ lúc tiếp nhận cuộc gọi cho đến lúc xuất xe là 6,4 phút. Thời gian trung bình xuất xe trong tháng 02 ngắn hơn so với thời gian mục tiêu (2,3 phút so với 3 phút). Tỷ lệ trường hợp có thời gian xuất xe từ dưới 3 phút chiếm 70%.

- Thời gian trung bình tiếp cận hiện trường trong tháng 02 ngắn hơn so với thời gian mục tiêu (12,1 phút so với 15 phút). Tỷ lệ trường hợp có thời gian tiếp cận hiện trường từ dưới 15 phút chiếm 70,4%.

---

[1] t1: thời gian từ lúc tiếp nhận cuộc gọi từ người dân đến lúc kết thúc cuộc gọi.
[2] t2: thời gian từ lúc kết thúc cuộc gọi đến khi thông tin cấp cứu được kíp cấp cứu tiếp nhận.
[3] t3: thời gian từ lúc kíp cấp cứu tiếp nhận thông tin đến lúc xuất xe.
[4] t4: thời gian từ lúc xuất xe đến lúc tiếp cận hiện trường.
[5] t5: thời gian từ hiện trường đến bệnh viện.

❖ **Trạm cấp cứu vệ tinh 115**

- Thời gian trung bình tiếp nhận cuộc gọi cấp cứu (t1): 2,1 phút.
- Thời gian trung bình điều phối cuộc gọi cấp cứu (t2): 2,7 phút.
- Thời gian trung bình xuất xe (t3): 6,2 phút.
- Thời gian trung bình tiếp cận hiện trường (t4): 13,5 phút.
- Thời gian trung bình chuyển đến bệnh viện (t5): 24,8 phút.

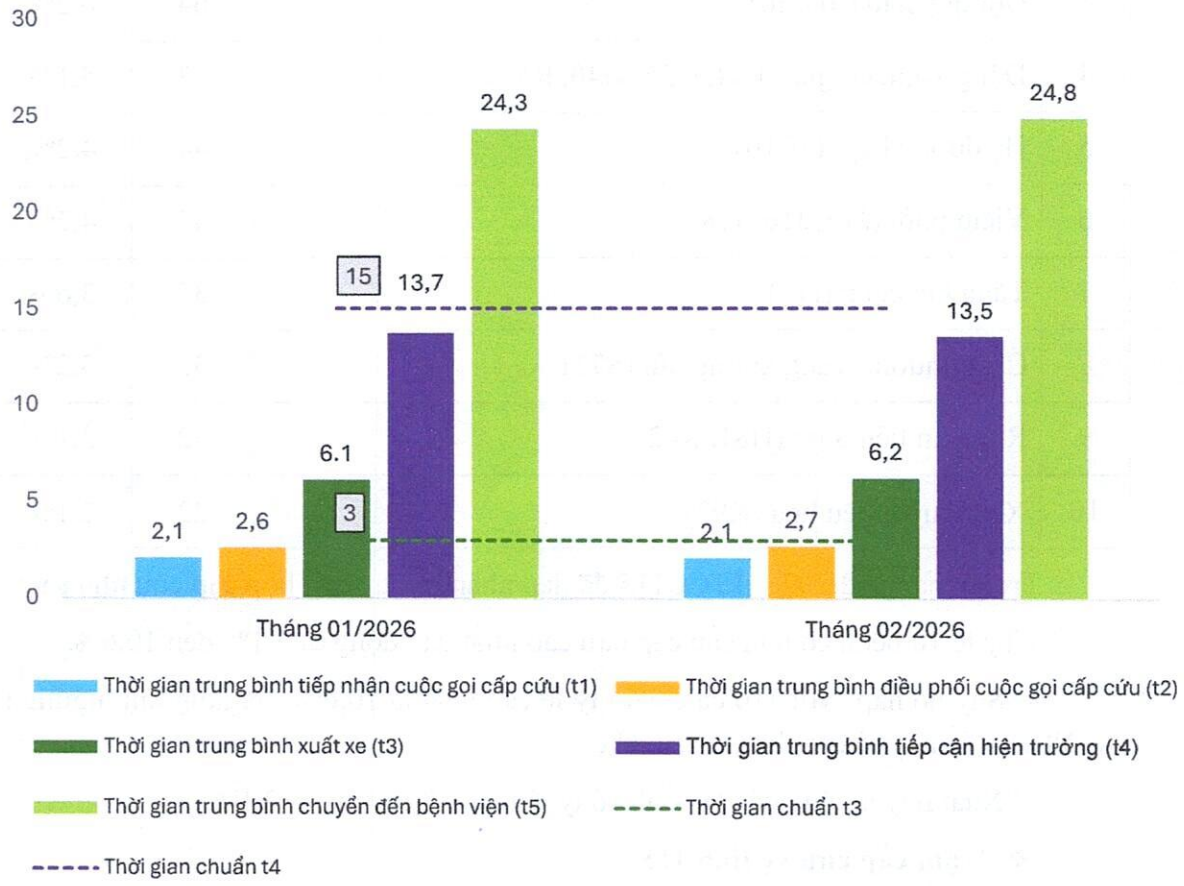

Biểu đồ 13. Thời gian của từng giai đoạn trong CCNBV của TVT trong 12 tháng năm 2026

- Trong tháng 02, Trạm vệ tinh 115 ghi nhận thời gian đáp ứng cấp cứu từ lúc tiếp nhận cuộc gọi cho đến lúc xuất xe là 11 phút. Thời gian trung bình xuất xe trong tháng 02 dài hơn so với thời gian mục tiêu (6,2 phút so với 3 phút). Tỷ lệ trường hợp có thời gian xuất xe từ dưới 3 phút chiếm 20,2%.

- Thời gian trung bình tiếp cận hiện trường trong tháng 02 ngắn hơn so với thời gian mục tiêu (13,5 phút so với 15 phút). Tỷ lệ trường hợp có thời gian tiếp cận hiện trường từ dưới 15 phút chiếm 52%.

3. Cơ cấu bệnh tật

3.1. Cơ cấu bệnh tật theo mã ICD

❖ **Trung tâm Cấp cứu 115**

Bảng 1. Tỷ lệ 10 bệnh mắc hàng đầu của TTCC115 tháng 02/2026 (n=1.036)

STT	Tên bệnh	Số ca	Tỷ lệ
1	Suy hô hấp (J96)	110	10,6%
2	Ngưng tim, ngưng thở (I46, R98, R99)	68	6,6%
3	Đột quỵ não (I64, I61)	64	6,2%
4	Động kinh, co giật (F44, G25, G40, R56)	53	5,1%
5	Hạ đường huyết (E16)	44	4,2%
6	Viêm phổi (J15, J16, J18)	43	4,2%
7	Tăng huyết áp (I10)	37	3,6%
8	Chấn thương vùng xương đùi (S72)	33	3,2%
9	Rối loạn tiền đình (H81, R42)	32	3,1%
10	Xuất huyết tiêu hoá (K92)	22	2,1%

Trong tháng 02/2026, TTCC115 đã tiếp nhận các trường hợp cấp cứu như sau:

- Tỷ lệ 10 bệnh có nhu cầu cấp cứu cao nhất dao động từ 2,1% đến 10,6%.

- "Suy hô hấp" với 110 ca chiếm tỷ lệ cao nhất là 10,6%, "Ngưng tim, ngưng thở" với 68 ca chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 6,6%.

- "Xuất huyết tiêu hoá" là bệnh có tỷ lệ thấp 22 ca, chiếm 2,1%.

❖ **Trạm cấp cứu vệ tinh 115**

Bảng 2. Tỷ lệ 10 bệnh mắc hàng đầu của TVT115 tháng 02/2026 tại khu vực 1, 2 và 3 (n=1.514)

STT	Tên bệnh	Số ca	Tỷ lệ
1	Chấn thương vùng đầu (S00, S01, S02, S03, S06, S09)	174	11,5%
2	Đột quỵ não (I64, I61)	134	8,9%
3	Ngưng tim, ngưng thở (I46, R98, R99)	122	8,1%
4	Suy hô hấp (J96)	95	6,3%
5	Rối loạn tiền đình (R42, H81)	69	4,6%

STT	Tên bệnh	Số ca	Tỷ lệ
6	Động kinh, co giật (F44, G25, R56,G40)	60	4,0%
7	Viêm phổi (J12, J15, J18)	44	2,9%
8	Hạ đường huyết (E16)	38	2,5%
9	Tăng huyết áp (I10)	32	2,1%
10	Xuất huyết tiêu hoá (K92)	27	1,8%

Trong tháng 02/2026, TVT115 đã tiếp nhận các trường hợp cấp cứu như sau:

- Tỷ lệ 10 bệnh có nhu cầu cấp cứu cao nhất dao động từ 1,8% đến 11,5%.

- "Chấn thương vùng đầu" với 174 ca chiếm tỷ lệ cao nhất là 11,5%, "Đột quỵ não" với 134 ca chiếm tỷ lệ cao thứ hai là 8,9%.

- "Xuất huyết tiêu hoá" là bệnh có tỷ lệ thấp 27 ca, chiếm 1,8%.

3.2. Cơ cấu bệnh tật theo lý do cuộc gọi

❖ **Trung tâm Cấp cứu 115**

Bảng 3. Phân bố tỷ lệ lý do gọi cấp cứu của TTCC115 tháng 02/2026

STT	Nhóm lý do gọi cấp cứu	Tần số	Tỷ lệ
1	Khó thở	211	20,4%
2	Bất tỉnh	199	19,2%
3	Tai nạn	157	15,2%
4	Đột quỵ	82	7,9%
5	Ngưng tim, ngưng thở	36	3,5%
6	Đau Ngực	10	1%
7	Tâm thần	8	0,8%
8	Đả thương	1	0,1%
9	Nhóm khác (co giật, sốt, đau lưng,...)	332	32%

Trong tháng 02/2026, các nhóm lý do gọi cấp cứu cho Trung tâm Cấp cứu 115 được ghi nhận cao nhất là khó thở (chiếm 20,4%), bất tỉnh (chiếm 19,2%), tai nạn (chiếm 15,2%), đột quỵ (chiếm 7,9%). Các nhóm lý do gọi cấp cứu chiếm tỷ lệ thấp bao gồm: tâm thần (chiếm 0,8%) và đả thương (chiếm 0,1%).

❖ **Trạm cấp cứu vệ tinh 115**

Bảng 4. Phân bố tỷ lệ lý do gọi cấp cứu của TVT115 tháng 02/2026 tại khu vực 1, 2 và 3

STT	Nhóm lý do gọi cấp cứu	Tần số	Tỷ lệ
1	Bất tỉnh	342	22,5%
2	Tai nạn	309	20,3%
3	Khó thở	256	16,8%
4	Đột quỵ	97	6,4%
5	Ngưng tim, ngưng thở	70	4,6%
6	Tâm thần	16	1,1%
7	Đau Ngực	12	0,8%
8	Đả thương	3	0,2%
9	Nhóm khác (co giật, chóng mặt, nôn ói,...)	417	27,4%

Trong tháng 02/2026, các nhóm lý do gọi cấp cứu cho Trạm vệ tinh 115 được ghi nhận cao nhất là bất tỉnh (chiếm 22,5%), tai nạn (chiếm 20,3%), khó thở (chiếm 16,8%), đột quỵ (chiếm 6,4%). Các nhóm lý do gọi cấp cứu chiếm tỷ lệ thấp bao gồm: đau ngực (chiếm 0,8%) và đả thương (chiếm 0,2%).

4. Báo cáo ca tâm thần

Trong tháng 02/2026, số liệu các trường hợp liên quan tâm thần được TTCC115 tiếp nhận, điều phối và xử trí cụ thể như sau:

- Tổng số cuộc gọi cấp cứu có liên quan đến cấp cứu tâm thần: 24 cuộc gọi.

- Số ca cấp cứu có liên quan đến vấn đề tâm thần: 08 ca do TTCC115 tiếp nhận và xử trí.

- Số trường hợp chuyển viện có liên quan vấn đề tâm thần: 07 trường hợp chuyển viện (06 trường hợp chuyển Bệnh viện Tâm thần TP.HCM, 01 trường hợp chuyển Bệnh viện Gia An 115).

5. Báo cáo sự cố

Trong tháng 02/2026, trung tâm không ghi nhận báo cáo sự cố từ Trạm vệ tinh 115.

6. Hoạt động khác

Trung tâm Cấp cứu 115 cùng với Mạng lưới Cấp cứu ngoài bệnh viện tham gia đảm bảo công tác y tế cho 11 sự kiện chính trị và lễ hội, với tổng thời lượng phục vụ là 19 buổi và tổng số xe cứu thương được huy động là 97 xe.

Trong tháng 02, diễn ra nhiều hoạt động, sự kiện chính trị quan trọng với quy mô lớn, thu hút đông đảo người tham gia như chương trình làm việc của Đoàn Lãnh đạo Đảng và Nhà nước tại TPHCM và Chương trình bắn pháo hoa đón giao thừa Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026. Nhằm bảo đảm công tác phục vụ y tế cho các sự kiện, Trung tâm Cấp cứu 115 đã phối hợp cùng với các Trạm vệ tinh 115 và các cơ sở y tế như: BV Nguyễn Trãi, BV Từ Dũ CS2, BVĐK KV Củ Chi, BVĐK Lê Văn Thịnh, BVĐK Tân Định, BVĐK Chánh Hưng, BVĐK Củ Chi, BVĐK Lãnh Binh Thăng, BVĐK Nguyễn Thị Thập, BVĐK Bình Chánh, BVĐK Nhà Bè, BVĐK Bình Dương, BVĐK Vũng Tàu, BVĐK Bà Rịa, TTYT KV Dầu Tiếng, TTYT KV Thuận An, TTYT KV Dĩ An, TTYT Đặc khu Côn Đảo.

7. Thuận lợi, hạn chế, đề xuất phương hướng hoạt động

a. Thuận lợi

- Các Trạm vệ tinh tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động Cấp cứu ngoài bệnh viện, thể hiện qua tỷ lệ tiếp nhận cuộc gọi và số lượng xuất xe trong tháng đạt mức ổn định, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người dân.

- Thời gian tiếp cận hiện trường của Trung tâm và các Trạm vệ tinh cải thiện hơn so với tháng trước đảm bảo tiếp cận được người dân một cách nhanh chóng, giảm nguy cơ diễn tiến nặng.

- Các Trạm cấp cứu vệ tinh đã phối hợp với Trung tâm Cấp cứu 115 trong việc tham gia bảo đảm công tác cấp cứu tại các sự kiện, lễ hội trên địa bàn thành phố, qua đó góp phần bảo đảm an toàn y tế khẩn cấp cho người dân tham gia tại các sự kiện, lễ hội.

b. Hạn chế

- Ngưng hoạt động một số TVT nên các TVT lân cận phải tăng cường đáp ứng nhu cầu cấp cứu ngoài bệnh viện tại khu vực.

- Các Trạm vệ tinh có thời gian từ lúc tiếp nhận điều phối đến lúc xuất xe chưa đạt mức so với quy định chuẩn (thời gian xuất xe trung bình cao gấp 2 lần so với thời gian chuẩn) tình trạng này ảnh hưởng đến hiệu quả cấp cứu người bệnh.

- Công tác nhập liệu bệnh án trên phần mềm EOC trong mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện vẫn chưa đảm bảo tính đầy đủ và đồng bộ; còn thiếu các thông tin thiết yếu như họ tên, năm sinh, mã ICD và nội dung xử trí. Bên cạnh đó, vẫn còn một số trạm vệ tinh chưa thực hiện nhập bệnh án cấp cứu ngoại viện trên hệ thống.

c. Đề xuất

- Tiếp tục mở rộng Mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện đặc biệt tại Khu vực 2 và Khu vực 3, củng cố các hoạt động Trạm vệ tinh 115 trong Mạng lưới.

- Đề nghị Lãnh đạo các Trạm cấp cứu vệ tinh tăng cường rà soát, nhắc nhở nhân viên hoàn thiện đầy đủ, kịp thời hồ sơ bệnh án cấp cứu ngoài bệnh viện trên hệ thống EOC, hạn chế thiếu sót ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, báo cáo.

- Kiến nghị các đơn vị theo dõi và phân tích nguyên nhân gốc rễ ảnh hưởng đến thời gian xuất xe của đơn vị để có giải pháp can thiệp kịp thời nhằm cải thiện hiệu quả cấp cứu cho người bệnh.

- Trường hợp Trạm vệ tinh không thể tiếp nhận điều phối từ Trung tâm Cấp cứu 115, đề nghị có văn bản báo cáo kịp thời, nêu rõ lý do, giải pháp khắc phục và thời gian dự kiến hoạt động trở lại để Trung tâm chủ động hỗ trợ và điều phối phù hợp.

- Đề nghị các đơn vị tiếp tục phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ về Trung tâm Cấp cứu 115 để Trung tâm tổng hợp, báo cáo và tham mưu Sở Y tế xem xét, hỗ trợ giải quyết khi cần thiết.

Trên đây là Bản tin hoạt động Mạng lưới cấp cứu ngoài bệnh viện tháng 02 năm 2026, Trung tâm Cấp cứu 115 kính trình Sở Y tế xem xét và chỉ đạo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- PGS.TS.BS. Nguyễn Anh Dũng (Phó GĐ SYT);
- Phòng Nghiệp Vụ Y – Sở Y tế Tp.HCM;
- Các Trạm vệ tinh 115 thuộc ML CCNBV;
- BGĐ Trung tâm;
- Lưu: VT, KHTC (Huy2b)

(VB giấy và VB điện tử)

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM CẤP CỨU 115 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Duy Long

Phụ lục 1

THỐNG KÊ TRẠM CẤP CỨU VỆ TINH THỰC HIỆN BỆNH ÁN CẤP CỨU NGOÀI BỆNH VIỆN THÁNG 02/2026

(Đính kèm theo Bản tin số 480 /TTCC115 ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Trung tâm Cấp cứu 115 Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Xuất xe có người bệnh	Số lượng bệnh án TVT làm trên phần mềm	Tỷ lệ làm bệnh án
1	BV An Bình	5	1	20%
2	BV Gia An 115	156	149	95,5%
3	BV Hoàn Mỹ Sài Gòn	39	35	89,7%
4	BV Hoàn Mỹ Thủ Đức	9	5	55,6%
5	BV Hoàn Mỹ Bình Dương	-	-	-
6	BV Hồng Đức II	12	12	100%
7	BV Hồng Đức III	14	10	71,4%
8	BV Lê Văn Thịnh	48	25	52,1%
9	BV Lê Văn Việt	30	24	80%
10	BV Nhân Dân Gia Định CS2	111	54	48,6%
11	BV Nhi Đồng Thành phố	-	-	-
12	BV Phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp	51	51	100%
13	BV Quân Dân y Miền Đông	2	0	0%
14	BV Quân y 175	11	1	9,1%
15	BV Quân y 4, Cục Hậu cần - Kỹ thuật, Quân đoàn 34	7	1	14,3%
16	BV Sài Gòn ITO Phú Nhuận	61	57	93,4%
17	BV Tâm Anh	36	30	83,3%
18	BV Tâm Trí Sài Gòn	41	30	73,2%
19	BV Triều An	33	1	3%
20	BV Ung Bướu CS2	41	41	100%
21	BV Vạn Phúc City	19	16	84,2%
22	BV Xuyên Á	37	27	73%

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Xuất xe có người bệnh	Số lượng bệnh án TVT làm trên phần mềm	Tỷ lệ làm bệnh án
23	BVĐK Bà Rịa	35	13	37,1%
24	BVĐK Bình Chánh	29	21	72,4%
25	BVĐK Bình Dương	67	33	49,3%
26	BVĐK Bình Tân	113	112	99,1%
27	BVĐK Bình Thạnh	58	56	96,6%
28	BVĐK Chánh Hưng	42	40	95,2%
29	BVĐK Củ Chi	23	19	82,6%
30	BVĐK Củ Chi CS2	2	2	100%
31	BVĐK Gò Vấp	32	32	100%
32	BVĐK Hoàn Hảo Dĩ An	21	15	71,4%
33	BVĐK Khánh Hội	19	15	78,9%
34	BVĐK Lãnh Binh Thăng	2	2	100%
35	BVĐK Mỹ Phước	21	2	9,5%
36	BVĐK Nguyễn Thị Thập	63	52	82,5%
37	BVĐK Nhà Bè	27	27	100%
38	BVĐK Phú Nhuận	20	14	70%
39	BVĐK Tân Bình	28	19	67,9%
40	BVĐK Tân Định	32	29	90,6%
41	BVĐK Tân Hưng	9	7	77,8%
42	BVĐK Tân Phú	75	72	96%
43	BVĐK Thủ Đức	41	25	61%
44	BVĐK Trung Mỹ Tây	97	97	100%
45	BVĐK Vũng Tàu	98	71	72,4%
46	BVĐK KV Củ Chi	32	32	100%
47	BVĐK KV Hóc Môn	68	61	89,7%
48	BVĐK KV Thủ Đức	3	0	0%
49	BVĐK QT Hạnh Phúc	28	16	57,1%

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Xuất xe có người bệnh	Số lượng bệnh án TVT làm trên phần mềm	Tỷ lệ làm bệnh án
50	BVQT Nam Sài Gòn	-	-	-
51	Cấp cứu 115 KV Thủ Đức	52	52	100%
52	Cấp cứu đường thuỷ 115 BV Từ Dũ CS2	21	21	100%
53	TTYT KV Bắc Tân Uyên	3	2	66,7%
54	TTYT KV Bàu Bàng	8	6	75%
55	TTYT KV Bến Cát	7	6	85,7%
56	TTYT KV Châu Đức	8	0	0%
57	TTYT KV Dầu Tiếng	2	1	50%
58	TTYT KV Dĩ An	23	21	91,3%
59	TTYT KV Hồ Tràm	7	0	0%
60	TTYT KV Long Đất	29	23	79,3%
61	TTYT KV Phú Giáo	1	0	0%
62	TTYT KV Phú Mỹ	13	10	76,9%
63	TTYT KV Tân Uyên	10	7	70%
64	TTYT KV Thuận An	28	23	82,1%
65	TYT phường Bình Đông	115	111	96,5%

Phụ lục 2

THỐNG KÊ TRẠM CẤP CỨU VỆ TINH

XUẤT XE/ TỪ CHỐI CẤP CỨU NGOÀI BỆNH VIỆN THÁNG 02/2026

(Đính kèm theo Bản tin số 480 /TTCC115 ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Trung tâm Cấp cứu 115 Thành phố Hồ Chí Minh)

I. Thống kê Trạm vệ tinh 115 xuất xe/từ chối cấp cứu ngoài bệnh viện khu vực 1

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyển	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
1	BV An Bình	144	6 (4,2%)	138 (95,8%)	5 (83,3%)
2	BV Gia An 115	196	185 (94,4%)	11 (5,6%)	179 (96,7%)
3	BV Hoàn Mỹ Sài Gòn	180	53 (29,4%)	127 (70,6%)	49 (92,4%)
4	BV Hoàn Mỹ Thủ Đức	16	14 (87,5%)	2 (12,5%)	10 (71,4%)
5	BV Hồng Đức II	62	16 (25,8%)	46 (74,2%)	14 (87,5%)
6	BV Hồng Đức III	175	17 (9,7%)	158 (90,3%)	15 (88,2%)
7	BV Lê Văn Thịnh	105	70 (66,7%)	35 (33,3%)	59 (84,2%)
8	BV Lê Văn Việt	82	51 (62,2%)	31 (37,8%)	37 (72,5%)
9	BV Nhân Dân Gia Định CS2	192	137 (71,4%)	55 (28,6%)	115 (83,9%)
10	BV Nhi Đồng TP	1	1 (100%)	0 (0%)	1 (100%)
11	BV Phục hồi chức năng - Điều trị bệnh nghề nghiệp	71	66 (93%)	5 (7%)	54 (81,8%)
12	BV Quân Dân y Miền Đông	97	4 (4,1%)	93 (95,9%)	2 (50%)
13	BV Quân Y 175	204	14 (6,9%)	190 (93,1%)	12 (85,7%)
14	BV Sài Gòn ITO Phú Nhuận	173	78 (45,1%)	95 (54,9%)	69 (88,4%)
15	BV Tâm Anh	75	52 (69,3%)	23 (30,7%)	41 (78,8%)
16	BV Tâm Trí SG	210	65 (31%)	145 (69%)	51 (78,4%)

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyển	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
17	BV Triều An	77	39 (50,6%)	38 (49,4%)	36 (92,3%)
18	BV Ung Bướu CS2	51	51 (100%)	0 (0%)	51 (100%)
19	BV Vạn Phúc City	75	23 (30,7%)	52 (69,3%)	19 (82,6%)
20	BV Xuyên Á	60	56 (93,3%)	4 (6,7%)	42 (75%)
21	BVĐK Bình Chánh	74	33 (44,6%)	41 (55,4%)	31 (93,9%)
22	BVĐK Bình Tân	181	141 (77,9%)	40 (22,1%)	121 (85,8%)
23	BVĐK Bình Thạnh	197	75 (38,1%)	122 (61,9%)	68 (90,6%)
24	BVĐK Chánh Hưng	70	48 (68,6%)	22 (31,4%)	43 (89,5%)
25	BVĐK Củ Chi	26	25 (96,2%)	1 (3,8%)	24 (96%)
26	BVĐK Củ Chi CS2	4	2 (50%)	2 (50%)	2 (100%)
27	BVĐK Gò Vấp	201	42 (20,9%)	159 (79,1%)	38 (90,4%)
28	BVĐK Khánh Hội	126	29 (23%)	97 (77%)	23 (79,3%)
29	BVĐK Lãnh Binh Thăng	46	41 (89,1%)	5 (10,9%)	32 (78,0%)
30	BVĐK Nguyễn Thị Thập	136	108 (79,4%)	28 (20,6%)	81 (75%)
31	BVĐK Nhà Bè	14	4 (28,6%)	10 (71,4%)	3 (75%)
32	BVĐK Phú Nhuận	115	3 (2,6%)	112 (97,4%)	3 (100%)
33	BVĐK Tân Bình	107	79 (73,8%)	28 (26,2%)	71 (89,8%)
34	BVĐK Tân Định	59	47 (79,7%)	12 (20,3%)	30 (63,8%)
35	BVĐK Tân Hưng	94	24 (25,5%)	70 (74,5%)	22 (91,6%)

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyển	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
36	BVĐK Tân Phú	167	35 (21%)	132 (79%)	31 (88,5%)
37	BVĐK Thủ Đức	184	36 (19,6%)	148 (80,4%)	33 (91,6%)
38	BVĐK Trung Mỹ Tây	85	12 (14,1%)	73 (85,9%)	11 (91,6%)
39	BVĐK KV Củ Chi	215	88 (40,9%)	127 (59,1%)	85 (96,5%)
40	BVĐK KV Hóc Môn	65	52 (80%)	13 (20%)	46 (88,4%)
41	BVĐK KV Thủ Đức	190	124 (65,3%)	66 (34,7%)	117 (94,3%)
42	BVQT Nam Sài Gòn	39	0 (0%)	39 (100%)	0 (0%)
43	Cấp cứu 115 KV Thủ Đức	52	52 (100%)	0 (0%)	52 (100%)
44	Cấp cứu 115 BV Từ Dũ CS2	25	25 (100%)	0 (0%)	25 (100%)
45	TTYT KV Bình Đông	125	125 (100%)	0 (0%)	125 (100%)

II. Thống kê Trạm vệ tinh 115 xuất xe/từ chối cấp cứu ngoài bệnh viện tại khu vực 2

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyển	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
1	BV Quân y 4, Cục Hậu cần - Kỹ thuật, Quân đoàn 34	18	18 (100%)	0 (0%)	12 (66,6%)
2	BVĐK Bình Dương	121	120 (99,1%)	1 (0,9%)	107 (89,1%)
3	BVĐK Hoàn Hảo Dĩ An	29	29 (100%)	0 (0%)	26 (89,6%)
4	BVĐK Hoàn Mỹ Bình Dương	-	-	-	-
5	BVĐK QT Hạnh phúc	38	34 (89,5%)	4 (10,5%)	31 (91,1%)
6	BVĐK Mỹ Phước	38	37 (97,4%)	1 (2,6%)	30 (81,0%)
7	TTYT KV Bắc Tân Uyên	5	5 (100%)	0 (0%)	4 (80%)

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyển	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
8	TTYT KV Bàu Bàng	10	10 (100%)	0 (0%)	9 (90%)
9	TTYT KV Bến Cát	25	17 (68%)	8 (32%)	10 (58,8%)
10	TTYT KV Dầu Tiếng	6	4 (66,7%)	2 (33,3%)	2 (50%)
11	TTYT KV Dĩ An	45	44 (97,8%)	1 (2,2%)	30 (68,1%)
12	TTYT KV Phú Giáo	5	5 (100%)	0 (0%)	2 (40%)
13	TTYT KV Tân Uyên	36	33 (91,7%)	3 (8,3%)	16 (48,4%)
14	TTYT KV Thuận An	45	45 (100%)	0 (0%)	34 (75,5%)

III. Thống kê Trạm vệ tinh 115 xuất xe/từ chối cấp cứu ngoài bệnh viện tại khu vực 3

STT	Trạm Cấp cứu vệ tinh 115	Số cuộc gọi tổng đài 115 chuyển	Số liệu cuộc gọi tiếp nhận(%)	Số liệu cuộc gọi từ chối (%)	Số liệu lượt xuất xe (%)
1	BVĐK Bà Rịa	47	47 (100%)	0 (0%)	40 (85,1%)
2	BVĐK Vũng Tàu	134	134 (100%)	0 (0%)	121 (90,2%)
3	TTYT KV Châu Đức	14	10 (71,4%)	4 (28,6%)	9 (90%)
4	TTYT KV Hồ Tràm	13	13 (100%)	0 (0%)	10 (76,9%)
5	TTYT KV Long Đất	42	39 (92,9%)	3 (7,1%)	36 (92,3%)
6	TTYT KV Phú Mỹ	19	19 (100%)	0 (0%)	16 (84,2%)
7	TTYT Quân Dân y Đặc khu Côn Đảo	4	4 (100%)	0 (0%)	3 (75%)

Phụ lục 3

THỐNG KÊ SỐ TRƯỜNG HỢP CẤP CỨU THEO PHƯỜNG/ XÃ

THÁNG 02/2026

(Đính kèm theo Bản tin số 480/TTCC115 ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Trung tâm Cấp cứu 115 Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
1		phường An Đông	32	32	0
2		phường An Hội Đông	27	1	26
3		phường An Hội Tây	31	6	25
4		Phường An Khánh	42	6	36
5		phường An Lạc	64	1	63
6		phường An Nhơn	24	5	19
7		phường An Phú Đông	43	4	39
8		phường Bàn Cờ	36	28	8
9		phường Bảy Hiền	45	25	20
10		phường Bến Thành	47	14	33
11		phường Bình Đông	66	51	15
12		phường Bình Hưng Hòa	58	6	52
13		phường Bình Lợi Trung	35	11	24
14		phường Bình Phú	32	6	26
15		phường Bình Quới	26	9	17
16		phường Bình Tân	38	2	36
17		phường Bình Tây	20	17	3
18		phường Bình Thạnh	50	17	33
19		phường Bình Thới	33	29	4
20		phường Bình Tiên	42	23	19
21	Khu vực 1	phường Bình Trị Đông	54	6	48

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
22		phường Bình Trưng	27	0	27
23		phường Cát Lái	24	5	19
24		phường Cầu Kiệu	24	5	19
25		phường Cầu Ông Lãnh	32	10	22
26		phường Chánh Hưng	69	11	58
27		phường Chợ Lớn	43	42	1
28		phường Chợ Quán	27	18	9
29		phường Diên Hồng	45	41	4
30		phường Đông Hưng Thuận	48	7	41
31		phường Đức Nhuận	32	5	27
32		phường Gia Định	53	6	47
33		phường Gò Vấp	37	7	30
34		phường Hạnh Thông	44	15	29
35		phường Hiệp Bình	53	1	52
36		phường Hòa Bình	21	20	1
37		phường Hòa Hưng	56	54	2
38		phường Khánh Hội	34	8	26
39		phường Linh Xuân	46	23	23
40		phường Long Bình	34	27	7
41		phường Long Phước	13	4	9
42		phường Long Trường	20	4	16
43		phường Minh Phụng	45	45	0
44		phường Nhiêu Lộc	70	39	31
45		phường Phú Định	64	37	27
46		phường Phú Lâm	43	18	25

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
47		phường Phú Nhuận	19	5	14
48		phường Phú Thạnh	39	25	14
49		phường Phú Thọ	38	35	3
50		phường Phú Thọ Hòa	59	29	30
51		phường Phú Thuận	11	1	10
52		phường Phước Long	39	10	29
53		phường Sài Gòn	105	15	90
54		phường Tam Bình	20	0	20
55		phường Tân Bình	44	19	25
56		phường Tân Định	29	5	24
57		phường Tân Hòa	39	34	5
58		phường Tân Hưng	45	3	42
59		phường Tân Mỹ	20	2	18
60		phường Tân Phú	41	31	10
61		phường Tân Sơn	25	10	15
62		phường Tân Sơn Hòa	32	15	17
63		phường Tân Sơn Nhất	41	20	21
64		phường Tân Sơn Nhì	56	23	33
65		phường Tân Tạo	22	1	21
66		phường Tân Thới Hiệp	42	2	40
67		phường Tân Thuận	28	6	22
68		phường Tăng Nhơn Phú	36	18	18
69		phường Tây Thạnh	26	12	14
70		phường Thạnh Mỹ Tây	50	8	42
71		phường Thới An	38	4	34

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
72		phường Thông Tây Hội	44	6	38
73		phường Thủ Đức	31	10	21
74		phường Trung Mỹ Tây	28	0	28
75		phường Vĩnh Hội	15	1	14
76		phường Vườn Lài	51	43	8
77		phường Xóm Chiếu	23	2	21
78		phường Xuân Hòa	32	10	22
79		xã An Nhơn Tây	12	0	12
80		xã An Thới Đông	8	8	0
81		xã Bà Điểm	38	1	37
82		xã Bình Chánh	20	3	17
83		xã Bình Hưng	55	31	24
84		xã Bình Khánh	2	2	0
85		xã Bình Lợi	8	0	8
86		xã Bình Mỹ	15	0	15
87		xã Cần Giờ	10	10	0
88		xã Củ Chi	23	0	23
89		xã Đông Thạnh	39	1	38
90		xã Hiệp Phước	15	1	14
91		xã Hóc Môn	26	0	26
92		xã Hưng Long	17	5	12
93		xã Nhà Bè	49	2	47
94		xã Nhuận Đức	11	0	11
95		xã Phú Hòa Đông	15	0	15
96		xã Tân An Hội	22	0	22

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
97		xã Tân Nhựt	34	2	32
98		xã Tân Vĩnh Lộc	33	3	30
99		xã Thái Mỹ	5	0	5
100		xã đảo Thạnh An	5	5	0
101		xã Vĩnh Lộc	29	1	28
102		xã Xuân Thới Sơn	44	1	43
103		phường An Phú	19	0	19
104		phường Bến Cát	30	0	30
105		phường Bình Cơ	6	0	6
106		phường Bình Dương	27	0	27
107		phường Bình Hòa	12	0	12
108		phường Chánh Hiệp	9	0	9
109		phường Chánh Phú Hòa	12	0	12
110		phường Dĩ An	38	0	38
111		phường Đông Hòa	26	5	21
112		phường Hòa Lợi	5	0	5
113		phường Lái Thiêu	13	0	13
114		phường Long Nguyên	4	0	4
115		phường Phú An	9	0	9
116		phường Phú Lợi	28	0	28
117		phường Tân Đông Hiệp	11	0	11
118		phường Tân Hiệp	9	0	9
119		phường Tân Khánh	13	0	13
120		phường Tân Uyên	12	0	12
121	Khu vực 2	phường Tây Nam	1	0	1

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
122		phường Thới Hòa	16	0	16
123		phường Thủ Dầu Một	29	0	29
124		phường Thuận An	19	0	19
125		phường Thuận Giao	15	0	15
126		phường Vĩnh Tân	3	0	3
127		xã An Long	0	0	0
128		xã Bắc Tân Uyên	5	0	5
129		xã Bàu Bàng	4	0	4
130		xã Dầu Tiếng	5	0	5
131		xã Long Hòa	2	0	2
132		xã Minh Thạnh	1	0	1
133		xã Phú Giáo	6	0	6
134		xã Phước Hòa	1	0	1
135		xã Phước Thành	0	0	0
136		xã Thanh An	0	0	0
137		xã Thường Tân	1	0	1
138		xã Trừ Văn Thố	1	0	1
139		Đặc khu Côn Đảo	3	0	3
140		phường Bà Rịa	22	0	22
141		phường Long Hương	7	0	7
142		phường Phú Mỹ	13	0	13
143		phường Phước Thắng	15	0	15
144		phường Rạch Dừa	33	0	33
145		phường Tam Long	13	0	13
146	Khu vực 3	phường Tam Thắng	37	0	37

STT	Khu vực	Danh sách phường	Số cuộc gọi điều phối	TTCC115	TVT
147		phường Tân Hải	0	0	0
148		phường Tân Phước	1	0	1
149		phường Tân Thành	8	0	8
150		phường Vũng Tàu	55	0	55
151		xã Bàu Lâm	0	0	0
152		xã Bình Châu	2	0	2
153		xã Bình Giã	0	0	0
154		xã Châu Đức	3	0	3
155		xã Châu Pha	1	0	1
156		xã Đất Đỏ	8	0	8
157		xã Hồ Tràm	5	0	5
158		xã Hòa Hiệp	0	0	0
159		xã Hòa Hội	1	0	1
160		xã Kim Long	2	0	2
161		xã Long Điền	15	0	15
162		xã Long Hải	13	0	13
163		xã Long Sơn	0	0	0
164		xã Ngãi Giao	7	0	7
165		xã Nghĩa Thành	0	0	0
166		xã Phước Hải	12	0	12
167		xã Xuân Sơn	1	0	1
168		xã Xuyên Mộc	5	0	5